

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/HS-PT**
Ngày: 28-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm
Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 19/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Lê Thị N, sinh ngày: 06/4/1974 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: thôn Phú Lâm Đ, xã Hành T, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh bán cà phê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); Chồng: Phạm Văn N, đã ly hôn; Con: Có 02 con, sinh năm 1996 và 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2019 đến ngày 13/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; ngày 12/11/2019 bị bắt tạm giam lại đến nay, bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Thị Y, tên gọi khác: Si, Phi; sinh ngày: 11/6/1988 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: thôn Ta N, xã Ba N, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn R và bà Phạm Thị N; Chồng: Đinh Văn Ph; Con: Có 02 con, sinh năm 2007 và 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2019 đến nay, bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Y:** Bà Bùi Thị Thyết A – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 05 phút ngày 28/4/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện TN kiểm tra, khám xét và bắt quả tang tại nhà nghỉ Minh T ở thôn LH 1, xã Nghĩa T, huyện TN, hai cặp nam nữ đang mua bán dâm tại phòng số 3 và phòng số 8. Tại phòng số 3, người đàn ông tự khai nhận tên Cao Văn A, sinh năm 1988, trú thôn Cổ L, xã Nghĩa P, thành phố Q mua dâm người phụ nữ tự khai tên Đinh Thị N, sinh năm 1998, trú thôn Bồ N, xã Sơn K, huyện Sơn H. Tại phòng số 8, người đàn ông tự khai nhận tên Trần Văn T, sinh năm 1982, trú thôn Cổ L, xã Nghĩa P, thành phố Q mua dâm người phụ nữ tự khai tên Phạm Thị M, sinh năm 2001, trú thôn KR, xã Ba N, huyện Ba T.

Quá trình làm việc và xác minh, xác định:

- Đinh Thị N, sinh năm 1998 tên thật là Đinh Thị Th, sinh ngày 02/11/2004, trú tại thôn Bồ N, xã Sơn K, huyện Sơn H.

- Phạm Thị M, sinh năm 2001 tên thật là Phạm Thị G, sinh ngày 30/12/2004, trú tại thôn KR, xã Ba N, huyện Ba T.

- Đối với Cao Văn A và Trần Văn T qua xác minh không có đối tượng nào có lý lịch nêu trên ở xã Nghĩa P, thành phố Q.

Qua điều tra xác định: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/4/2019, có 02 người đàn ông chưa xác định được nhân thân, lai lịch vào quán cà phê Như N ở thôn LH 1, xã Nghĩa T, huyện TN do Lê Thị N làm chủ ngồi uống nước và nói với N về việc có nhu cầu mua dâm. Nghe vậy, N đồng ý làm trung gian giới thiệu người bán dâm cho hai người đàn ông này. N gọi điện thoại cho Phạm Thị Y để kêu 02 người phụ nữ đến bán dâm. Y tiếp tục gọi điện thoại cho Phạm Thị G bảo G và Đinh Thị Th đến quán cà phê Như N để gặp và bán dâm cho khách. Khi G và Th đến quán cà phê, N dẫn G và Th đến gặp hai người đàn ông và thống nhất số tiền mua bán dâm là 500.000 đồng, tức mỗi người 250.000 đồng. Người đàn ông giới thiệu tên T đưa cho N 540.000 đồng gồm trả tiền nước uống 40.000 đồng và tiền mua dâm 500.000 đồng. N thỏa Thận với G và Th sau khi bán dâm xong N sẽ đưa cho G và Th mỗi người 150.000 đồng tiền công bán dâm và N đưa cho G 80.000 đồng để trả tiền thuê hai phòng nghỉ. Còn trước đó, Y thỏa Thận với Th, G mỗi lần Y giới thiệu khách mua dâm thì tiền công của Y là 50.000 đồng/người/lần. Như vậy, N thu lợi bất chính số tiền 120.000 đồng, Y thu lợi bất chính số tiền 100.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2019/HS-ST ngày 26-11-2019, Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/11/2019, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2019 đến ngày 13/9/2019.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Y 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/11/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2019, các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc G quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm a khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em. Theo quy định tại khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự thì khung hình phạt từ 07-15 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và xử phạt bị cáo Lê Thị N 07 năm 06 tháng tù, bị cáo Phạm Thị Y 07 năm tù là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết nào mới để được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y.

** Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Y:* Bị cáo Phạm Thị Y có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đã ly hôn chồng nhưng vì thiếu hiểu biết nên không làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật; bị cáo đang nuôi con nhỏ, con bị cáo bị tai nạn chân phải đi chữa trị nhiều nơi nhưng chưa khỏi, bị cáo vì không đủ tiền chữa trị cho con nên mới dẫn đến việc phạm tội; ngoài ra, UBND xã Ba N, huyện Ba T cũng đã xác nhận hoàn cảnh của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Phạm Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Lê Thị N và bị cáo Phạm Thị Y, thấy rằng: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/4/2019, khi có hai người đàn ông đặt vấn đề muốn mua dâm thì bị cáo N đồng ý tìm gái bán dâm giới thiệu cho hai người đàn ông

này. Bị cáo N gọi điện thoại cho bị cáo Phạm Thị Y để gọi gái bán dâm đến, bị cáo Y tiếp tục gọi điện thoại cho hai gái bán dâm là Đinh Thị Th và Phạm Thị G đến chỗ N để gặp hai người đàn ông mua dâm. Hai bên thống nhất số tiền mua bán dâm là 500.000 đồng/hai người. Thông qua việc môi giới, làm trung gian để Đinh Thị Th và Phạm Thị G bán dâm cho hai người đàn ông, bị cáo Lê Thị N thu lợi số tiền 120.000 đồng, bị cáo Phạm Thị Y thu lợi số tiền 100.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y làm trung gian giới thiệu để hai gái bán dâm Đinh Thị Th, sinh ngày 02/11/2004; Phạm Thị G, sinh ngày 30/12/2004 đều là người dưới 16 tuổi cùng hai người đàn ông thực hiện việc mua dâm, bán dâm đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm a khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn. Đối với bị cáo Phạm Thị Y, bị cáo đang nuôi con nhỏ, con bị cáo bị tai nạn chân không đi lại được; bị cáo là lao động chính trong gia đình; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện khó khăn, lạc hậu, có nhận thức pháp luật thấp. Đối với bị cáo Lê Thị N, bị cáo bị bệnh đau đầu kinh niên đang chữa trị. Tuy nhiên, xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ cho các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo nên xử phạt bị cáo Lê Thị N 07 năm 06 tháng tù, bị cáo Phạm Thị Y 07 năm tù là phù hợp, không nặng. Đồng thời, tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết nào mới để được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TN.

[3] Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị N và bị cáo Phạm Thị Y cùng nhau thực hiện việc môi giới mại dâm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định về đồng phạm đối với các bị cáo là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Môi giới mại dâm*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/11/2019; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2019 đến ngày 13/9/2019.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Y **07 (bảy) năm** tù về tội “*Môi giới mại dâm*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/11/2019.

2. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị N, Phạm Thị Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an, VKSND, TAND, THADS huyện TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé